

Bản án số: 56/2021/HS-ST
Ngày: 29-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tư ; Ông Cầm Văn Nam;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2021/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh Kh**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 06 tháng 9 năm 1994, tại: Lâm Đồng; NĐKNKTT và cư trú: Số M đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Đức Th và bà Bùi Thị Thanh Ng; vợ: Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1998 và có 01 người con sinh năm 2019, hiện đang sinh sống tại xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; tiền án; tiền sự: Không.

Về nhân thân: Vào ngày 26/6/2019, Nguyễn Minh Kh bị Công an thành phố B tỉnh Đồng Nai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10 xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt vào ngày 26/6/2019. Hiện đã được xóa tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2020 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

01. Bùi Vạn H, sinh năm 1967; trú tại: Số N đường T, Phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

02. Lê thị L, sinh năm 1971; trú tại: Xóm L, Thôn J, xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

04. Trần phạm Tuấn A, sinh năm 1976; trú tại: Số nhà F đường L, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

04. NGuyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1963; trú tại: Số nhà M Quốc lộ K Thôn J, xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn H, sinh năm 1972; trú tại: Ấp P, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt).

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; trú tại: Xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

3. Đào Văn H, sinh năm 1970; trú tại: Ấp Y, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt).

4. Hoàng Thị M, sinh năm 1960; trú tại: Số H, đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

5. Đặng Lý H, sinh năm 1988; trú tại: Số A, đường L, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

6. Mai Thị N, sinh năm 1982; trú tại: Số N, Quốc lộ K, thôn Á, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

7. Lê xuân C, sinh năm 1968; trú tại: Số M, Quốc lộ K, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

8. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984; trú tại: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt).

9. Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1982; trú tại: Số nhà B Quốc lộ Z, Thôn K, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

10. K' B, sinh năm 1965; trú tại: Thôn Ng, xã Lộc N, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

11. K'T, sinh năm 1977; trú tại: Xóm L, Thôn N, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

12. Lê Hữu H, sinh năm 1990; trú tại: Tổ X, Phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

13. Hoàng A, sinh năm 1957; trú tại: Số nhà J đường L, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt).

14. Vũ Đình N, sinh năm: 1989; trú tại: Thôn T xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

15. Lê Huy L, sinh năm 1951; trú tại: Số G, Quốc lộ X, Thôn M, xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2020 đến ngày 08/11/2020 tại địa bàn xã L và xã Đ, thành phố B, Nguyễn Minh Kh đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của người dân để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Vào ngày 27/9/2020, Kh đi bộ đến vườn cà phê tại thôn T, xã L, thành phố B của ông Bùi Vạn H, HKTT: Số K đường T, phường L, thành phố B thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSEL màu nâu biển số 49T1 - 9346 của ông H dựng ở vườn cà phê nhưng không có người trông coi nên Kh đã lấy trộm chiếc xe của ông H. Đến ngày 04 tháng 10 năm 2020, Kh mang xe xuống tiệm thu mua phế liệu của ông Nguyễn H, tại ấp P, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán được 540.000đ, số tiền này Kh đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc xe mô tô biển số 49T1-9346 trả lại cho ông H quản lý sử dụng. Ông H và ông H không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Bản kết luận số 24 ngày 01/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận chiếc xe mô tô biển số 49T1-9346 của ông H bị Kh chiếm đoạt trị giá 3.000.000đ.

- *Vụ thứ 2:* Vào ngày 13/10/2020, Kh đi bộ đến vườn cà phê tại thôn T, xã L, thành phố B của anh Trần phạm Tuấn A, thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xanh biển số 49V3 – 1160 của Tuấn Anh dựng ở vườn cà phê nhưng không có người trông coi, nên Kh đã lấy trộm chiếc xe mô tô đi đến xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bán cho anh Nguyễn Văn L, HKTT: Thôn X, xã H, huyện Đạ H với giá 800.000đ tiêu xài cá nhân hết. Hiện cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc xe mô tô biển số 49V3-1160 cho anh Trần phạm Tuấn A quản lý sử dụng. Tuấn A và anh L không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Bản kết luận số 24 ngày 01/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận chiếc xe mô tô biển số 49V3-1160 của anh Trần phạm Tuấn A bị Kh chiếm đoạt trị giá 9.000.000đ.

- *Vụ thứ 3:* Vào khoảng 13 giờ ngày 15/10/2020, Kh đi bộ ngang qua nhà chị Lê thị L, tại Xóm M, Thôn K, xã Đ, thành phố B thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM màu xanh biển số 49K1 - 225.45 của chị L dựng trên mép đường quốc lộ 20 trước nhà không có người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa điện nên Kh đã lấy trộm chiếc xe mô tô điều khiển đến cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy cũ của ông Đào Văn H, tại ấp P, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán cho ông H được 700.000đ, tiêu xài cá nhân hết. Hiện cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô biển số 49K1-225.45 từ ông H và trả lại cho chị L quản lý sử dụng. Chị L không yêu cầu bồi thường gì về dân sự, ông H yêu cầu bị cáo Kh bồi thường số tiền 700.000đ.

Bản kết luận số 24 ngày 01/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận chiếc xe mô tô biển số 49K1-225.45 của chị L bị Kh chiếm đoạt trị giá 5.000.000 đồng.

- *Vụ thứ 4:* Vào ngày 05/11/2020, Kh đến làm thuê cho bà Nguyễn Thị Kim Ph, tại số nhà Y Quốc lộ Z, Thôn B, xã Đ, thành phố B nên được bà Ph cho sống chung tại nhà. Đến khoảng 13 giờ ngày 08/11/2020, lợi dụng lúc gia đình bà Ph không có ai ở nhà, Kh đã lấy trộm 01 giấy đăng kí của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng biển số xe 49K1-178.21; 01 chiếc nhẫn màu vàng có gắn hạt đá màu đỏ; 01 chiếc bông tai màu

vàng có hình bông hoa; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám và chiếc xe mô tô biển số 49K1-178.21 của bà Phương. Sau khi trộm cắp các tài sản nêu trên Kh điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Ngọc Th ở địa chỉ: Số B, đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng do bà Hoàng Thị M làm chủ, bán 01 chiếc nhẫn vàng được 1.100.000đ, chiếc bông tai vàng không bán được nên Kh đã vứt bỏ bên lề đường. Sau đó Kh tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 49K1-178.21 đến cửa hàng mua bán xe cũ T, địa chỉ: Số M, thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng do chị Nguyễn Thị Thanh M, làm chủ bán xe mô tô biển số 49K1-178.21 được 6.000.000đ. Sau khi mua xe của Kh thì chị My đã bán lại cho anh Đặng Lý H, trú tại số A, đường L, thị trấn D, huyện D với giá 7.000.000đ. Đến ngày 09/11/2020, Kh mang chiếc điện thoại Iphone 6S đi đến tỉnh K bán cho một cửa hàng điện thoại di động không rõ địa chỉ với giá 1.000.000đ. Hiện cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc xe mô tô biển số 49K1-178.21 và đã trả lại cho bà Ph quản lý sử dụng. Đối với 01 chiếc nhẫn vàng; 01 bông tai vàng và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Cơ quan điều tra không thu hồi được. Bà Ph yêu cầu Kh bồi thường số tiền 8.800.000đ.

Bản kết luận số 157 ngày 17/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 49K1-178.21 trị giá 8.000.000đ; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S trị giá 2.800.000đ. Tổng giá trị tài sản là 10.800.000đ. Đối với 01 chiếc nhẫn vàng có gắn hạt đá màu đỏ và chiếc 01 chiếc bông tai vàng có hình bông hoa do không thu hồi được tài sản, không xác định được chất liệu và định lượng nên Hội đồng định giá từ chối việc xác định giá.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra còn xác định trong khoảng thời gian từ tháng 09/2020 đến ngày 22/10/2020, Nguyễn Minh Kh còn 09 lần trộm cắp tài sản của các hộ dân trên địa bàn thành phố B để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, nhưng Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự không xác định được giá tài sản do thiếu thông tin về tài sản, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 21/9/2020 tại thôn T, xã L, thành phố B, Kh đã lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suntan màu đỏ đen biển số 49V6 - 1593 của ông K'T, HKTT: Thôn Ng, xã L, thành phố B đưa đến bán cho bà Mai Thị N, HKTT: Số H Quốc lộ Z, thôn Á, xã L, thành phố B với giá 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe của Kh bà N đã bán phế liệu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. Ông K' yêu cầu Kh bồi thường số tiền 5.500.000 đồng.

- *Lần thứ 2:* Vào ngày 25/9/2020 tại thôn T, xã L, thành phố B, Kh trộm cắp chiếc xe mô tô cup màu xanh biển số 49 -129-QH của ông K'T đưa đến khu vực đường C, Phường T, thành phố B bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 450.000đ nên Cơ quan điều tra không thu được tài sản. Ông K' T yêu cầu Kh bồi thường số tiền 2.300.000đ.

- *Lần thứ 3:* Ngày 28/9/2020, tại thôn T, xã L, thành phố B, Kh lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup màu xanh biển số 49S5-0488 của ông Hoàng A, HKTT: Số M đường L, xã L, thành phố B mang đến tiệm phế liệu của chị Mai Thị N, tại số N Quốc lộ Z, thôn Á, xã L, thành phố B bán được 400.000đ tiêu xài cá nhân, sau khi mua xe chị N đã bán phế liệu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. Ông Hoàng A yêu cầu Kh bồi thường 5.000.000đ.

- *Lần thứ 4:* Khoảng tháng 9 năm 2020 tại thôn T, xã L, thành phố B, Kh lấy trộm 01 xe mô tô kiểu dáng Wave không rõ biển số của người dân (chưa rõ chủ sở hữu) dựng ở vườn cà phê không có người trông coi, rồi mang đến bán anh Vũ Đình N, trú tại số B quốc lộ Z, xã Đ, thành phố B được 270.000đ, tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe mô tô của Kh, anh N đã bán phế liệu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản.

- *Lần thứ 5:* Vào ngày 18/10/2020, Kh lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Fanlim II màu nâu biển số 47H4 – 2083 của anh Vũ Đình N, mang đến bán cho ông Lê xuân C, địa chỉ: Số M Quốc lộ Z xã L, thành phố B được 400.000đ, tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe ông C đã bán phế liệu nên không thu hồi được. Anh N yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000đ.

- *Lần thứ 6:* Vào ngày 19/10/2020, tại thôn T, xã L, thành phố B, Kh trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Superhalim màu nâu, biển số 49T5 - 7558 của anh Lê Hữu H, trú tại Tổ X, phường L, thành phố B rồi mang đến bán cho anh Vũ Đình N được 320.000đ tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe của Kh, anh N đã bán sắt phế liệu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Anh H yêu cầu Kh bồi thường 5.000.000đ.

- *Lần thứ 7:* Khoảng đầu tháng 10 năm 2020, tại thôn T, xã L, thành phố B, Kh lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu POMUSPACYAN màu nâu biển số 49T7-4957 của ông K' B, HKTT: Thôn Ng, xã L, thành phố B đem đến tiệm phế liệu của anh N, tại số K quốc lộ Z, xã Đ, thành phố B bán được 320.000đ tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe của Kh thì anh N đã bán phế liệu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. Ông K' B yêu cầu Kh bồi thường số tiền 5.000.000đ.

- *Lần thứ 8:* Vào ngày 22/10/2020, Kh lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Sungu màu xanh biển số 51X1 - 9831 của anh Nguyễn Đức Tr, địa chỉ: Số B, Quốc lộ Z, Thôn I, xã L, thành phố B mang đến cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy cũ của ông Đào Văn H, trú tại ấp Ph, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán được 400.000đ, tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe ông H đã bán lại cho người khác nên không thu hồi được. Anh Tr yêu cầu Kh bồi thường số tiền 2.000.000đ.

- *Lần thứ 9:* Vào khoảng tháng 10 năm 2020, Kh lấy trộm 01 xe mô cup, màu xám không xác định được biển số của ông Lê Huy L, địa chỉ: Số X Quốc lộ Z, Thôn M, xã L, thành phố B, rồi mang đến tiệm thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Th, địa chỉ ấp Th, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán được 300.000đ tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe chị Th đã bán phế liệu nên không thu hồi được. Anh Lê Huy L không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra bà NGuyễn Thị Kim Ph yêu cầu bị cáo Kh bồi thường số tiền 8.800.000đ; ông Đào Văn H yêu cầu bồi thường số tiền 700.000đ; anh Lê Hữu H yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000đ; ông K'B yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000đ; ông K'T yêu cầu bồi thường số tiền 7.800.000đ; anh Hoàng A yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000đ; anh Vũ Đình N yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000đ; anh Nguyễn Đức Tr yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000đ, đến nay bị cáo Kh chưa bồi thường. Ông Lê Huy L, anh Trần phạm Tuấn A, anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn H, chị Lê thị L và ông Bùi Vạn H không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không có thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng.

Bản Cáo trạng số 54/CT-VKSBL ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Minh Kh về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2020 đến ngày 08/11/2020, tại địa bàn xã L và xã Đ, thành phố B, Nguyễn Minh Kh đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của 04 người gồm: Trộm cắp của ông Bùi Vạn H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSEL trị giá 3.000.000đ; anh Trần phạm Tuấn A 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future trị giá 9.000.000đ; chị Lê thị L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM trị giá 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim Ph 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius trị giá 8.000.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S trị giá 2.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được xác định là 27.800.000đ. Hành vi của Nguyễn Minh Kh là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Kh từ 30 đến 36 tháng tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về Dân sự: Buộc bị cáo Kh bồi thường cho Bà Nguyễn Thị Kim Ph 8.800.000đ; ông Đào Văn H 700.000đ; anh Lê Hữu H 5.000.000đ; ông K'B 5.000.000đ; ông K'T 7.800.000đ; anh Hoàng A 5.000.000đ; anh Vũ Đình N 3.500.000đ; anh Nguyễn Đức Tr 2.000.000đ. Buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2020 đến ngày 08/11/2020, Nguyễn Minh Kh đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản Tổng giá trị tài sản được xác định là 27.800.000đ. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo Kh đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được

quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành của vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Vào ngày 26/6/2019, Kh bị Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt vào ngày 26/6/2019. Ngoài 04 vụ trộm cắp bị truy tố trong vụ án này bị cáo còn thực hiện 09 vụ trộm cắp khác nhưng do không thu được tài sản và thiếu thông tin về tài sản bị trộm cắp nên Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự không định giá được. Tuy nhiên đây cũng là tình tiết cần cân nhắc khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên bị áp dụng các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy: Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim Ph yêu cầu bị cáo Kh bồi thường số tiền 8.800.000đ; ông Đào Văn H yêu cầu bồi thường số tiền 700.000đ; anh Lê Hữu H yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000đ; ông K'B yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000đ; ông K'T yêu cầu bồi thường số tiền 7.800.000đ; anh Hoàng A yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000đ; anh Vũ Đình N yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000đ; anh Nguyễn Đức Tr yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do vậy cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho: Bà Nguyễn Thị Kim Ph 8.800.000đ; ông Đào Văn H 700.000đ; anh Lê Hữu H 5.000.000đ; ông K'B 5.000.000đ; ông K'T 7.800.000đ; anh Hoàng A 5.000.000đ; anh Vũ Đình N 3.500.000đ; anh Nguyễn Đức Tr 2.000.000đ.

Đối với ông Lê Huy L, anh Trần phạm Tuấn A, anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn H, chị Lê thị L và ông Bùi Vạn H không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự nên không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 01 Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Minh Kh (kèm theo hồ sơ vụ án), không liên quan tới vụ án cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh Kh** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Kh 02 (Hai) năm, 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2020.

2/ Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Minh Kh có nghĩa vụ bồi thường cho Bà Nguyễn Thị Kim Ph số tiền 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm ngàn đồng); ông Đào Văn H số tiền 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng); anh Lê Hữu H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ông K'B số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ông K'T số tiền 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng); anh Hoàng A số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); anh Vũ Đình N số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng); anh Nguyễn Đức Tr số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Kh 01 Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Minh Kh (kèm theo hồ sơ vụ án).

4/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Kh phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.890.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo, riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP B;
- Công an TP. B
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

